

NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA VĂN HÓA BẢN ĐỊA TRONG LỄ TANG CỦA TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO NGƯỜI VIỆT DI CƯ NĂM 1954 TẠI GIÁO XỨ LỘC HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Tóm tắt: Sau Công đồng Vatican II, lễ tang của tín đồ người Việt ngoài những nghi thức Công giáo còn có những nghi thức theo truyền thống bản địa. Những nghi thức Công giáo chủ yếu diễn ra trong không gian nhà thờ và nghĩa trang. Nghi thức theo truyền thống người Việt chủ yếu diễn ra trong không gian gia đình. Qua nghi thức tang lễ cho thấy, những nghi thức trong không gian nhà thờ, nghĩa trang theo quy định của hệ thống nghi lễ Rome nhưng vẫn chứa đựng những dấu ấn của văn hóa bản địa về những quan niệm, lối sống của người Việt. Những nghi thức diễn ra trong gia đình thể hiện đậm nét những ảnh hưởng của niềm tin dân gian cũng như những quan niệm về đạo hiếu liên quan đến người chết trong suy nghĩ và hành động của tín đồ. Từ đó cho thấy lễ tang là nơi thể hiện rõ nét những hình ảnh của văn hóa bản địa trong đời sống nghi lễ của tín đồ Công giáo người Việt.

Từ khóa: Văn hóa bản địa, lễ tang Công giáo, người Việt, Lộc Hòa, Đồng Nai.

1. Đặt vấn đề

Thuyết *Đặc thù lịch sử* của Franz Boas nhìn nhận văn hóa trong tính đặc thù, gắn với môi trường và lịch sử mà văn hóa đó tồn tại, quá trình hình thành và biến đổi của một nền văn hóa là vô cùng phức tạp, có con đường riêng không theo một khuôn mẫu lý thuyết chung¹. Chúng tôi xem xét sự hình thành văn hóa của cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ cũng trong tính phức tạp của lịch sử và gắn với môi trường sinh sống của cộng đồng. Văn hóa của tín đồ Công giáo người Việt là sự hòa trộn của văn hóa Công giáo Phương Tây và văn hóa truyền thống người Việt,

* Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 10/3/2017; Ngày biên tập: 10/4/2017; Ngày duyệt đăng: 24/4/2017.

nhưng sự hòa trộn này không được hiểu theo nghĩa văn hóa bị *vật thể hóa* để trở thành những thực thể siêu hữu cơ (*superorganic*) như quan niệm của Alfred Kroeber - học trò của Franz Boas². Hai nền văn hóa này cùng tồn tại trong sự tương tác qua lại, nương tựa vào nhau, từ đó tạo ra những nền tảng giá trị văn hóa riêng biệt trong đời sống xã hội của tín đồ Công giáo người Việt. Đặc điểm này có thể thấy qua những nghi lễ vòng đời của tín đồ như lễ cưới, lễ tang, lễ giỗ.

Văn hóa bản địa được đề cập đến trong bài viết này là nền văn hóa truyền thống đã tồn tại trước khi Công giáo du nhập vào Việt Nam. Nền văn hóa này không chỉ bao gồm những yếu tố văn hóa vốn có, do tự thân người Việt sáng tạo nên mà còn có sự góp mặt của những yếu tố văn hóa được tiếp nhận từ bên ngoài trong suốt quá trình lịch sử trong đó bao gồm Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo. Tuy nhiên, sự kết hợp này không phải là sự tích hợp một cách cơ học của bốn yếu tố trên mà là dựa trên sự kế thừa, sáng tạo, cải biến cho phù hợp với văn hóa truyền thống của người Việt.

Bài viết nghiên cứu về tang lễ của tín đồ Công giáo người Việt di cư năm 1954 được thực hiện tại cộng đồng giáo xứ Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai bằng phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật quan sát tham dự và phỏng vấn sâu.

2. Nghi lễ đám tang của tín đồ

Nghi thức lễ tang của tín đồ được đặt trong mối quan hệ tác động qua lại giữa hệ giá trị văn hóa bản địa và hệ giá trị Công giáo. Những nghi thức này được trình bày theo không gian gia đình: *phó linh hồn, làm phép khăn tang, việc để tang và khóc thương người mất, những nghi lễ liên quan đến người chết, đọc kinh cầu nguyện* và những nghi thức diễn ra trong không gian nhà thờ, nghĩa trang Công giáo: *kéo chuông báo tử, quy định về tang lễ trong nhà thờ và ngoài nghĩa trang, xây dựng mộ phần, xin lễ nhà thờ cho linh hồn người chết*.

2.1 Những nghi lễ diễn ra trong không gian gia đình

Nghi thức phó linh hồn: Lúc hấp hối, gia đình đến báo cho những người trong ban “giúp kẻ liệt”³ để họ giúp thực hiện nghi thức “phó linh hồn” cho người chết. “Phó linh hồn” được hiểu là phó dâng linh hồn trong tay Chúa. Nghi thức này gồm những bài đọc lời Chúa trong Kinh thánh để cầu nguyện cho người hấp hối, sau đó một người sẽ ghé

sát vào tai người hấp hối nói lớn câu “Jesus Maria Giuse, con phó linh hồn con trong tay Chúa”. Theo quan niệm của các tín đồ làm như vậy để người sắp chết nghe thấy, nhớ đến Chúa, ăn năn hối lỗi và được thanh thản ra đi. Vì trong tư tưởng tín đồ, nếu còn vướng mắc, nhất là liên quan đến tội lỗi đã phạm, người hấp hối sẽ không thể nhắm mắt ra đi. Chúng tôi đã có cuộc trao đổi với một vị linh mục người Việt đang làm việc tại Mỹ về việc này. Linh mục cho biết, nghi thức này không được thực hiện trong Công giáo hoàn vũ mà chỉ có trong cộng đồng Công giáo người Việt. Linh mục cũng cho rằng ngoài mục đích trên, có lẽ còn thể hiện tư duy “còn nước, còn tát” của người Việt, với hi vọng khi nói vào tai những người hấp hối, nghe thấy danh Chúa Jesus, được sự ban ơn của Chúa có thể làm cho người hấp hối tỉnh lại.

Việc nói vào tai người chết trong nghi thức “phó linh hồn” của tín đồ làm chúng tôi liên tưởng đến nghi thức “hú hồn” trong đám tang xưa của người Việt. Nghi thức “hú hồn” hay hú vía để thể hiện cố gắng cuối cùng của con cháu muốn người mới chết được hồi sinh, hy vọng khi nghe thấy tiếng “hú hồn”, linh hồn người chết đang ở đâu đó có thể quay trở lại nhập vào xác. Con trưởng cầm chiếc áo của người chết theo mái trước nhà treo lên nóc, tay trái cầm cổ áo, tay phải nắm vạt lưng áo, vẩy áo kêu gọi ba lần, hướng về ba phương khác nhau “ba hồn bảy vía cha đâu, mau về với con” hoặc “ba hồn bảy vía mẹ đâu, mau về với con”. Hô gọi xong đi xuống theo mái sau, lấy áo phủ lên thân hay treo trước cửa⁴. Tập tục “hú hồn”, ngày nay đã không còn tồn tại trong nghi lễ đám tang của người Việt, đa số người Việt không còn biết hay hiểu về tập tục này. Vì vậy, nếu hỏi tín đồ Công giáo về mối liên hệ giữa việc nói vào tai tín đồ với việc “hú hồn”, chắc chắn không có câu trả lời. Chúng tôi tạm đưa ra nhận định, hình thức nói vào tai người hấp hối của tín đồ Công giáo có lẽ chịu ảnh hưởng của tập tục “hú hồn” trong đám tang truyền thống người Việt. Tuy nhiên, tập tục này đã được Công giáo hóa hoàn toàn, qua việc gọi tên Chúa Jesus, Đức Mẹ và Thánh Giuse để hy vọng người hấp hối được thanh thản ra đi hoặc được tỉnh lại. Quá trình Công giáo hóa những tập tục nghi thức bản địa là một sự sáng tạo của tín đồ người Việt, tín đồ đã tạo nên nghi thức Công giáo riêng để khóa lấp tập tục truyền thống của mình, vừa thể hiện niềm tin Công giáo đồng thời cũng để diễn tả những ý nghĩa trong tập tục văn hóa của mình.

Làm phép khăn tang: Sau khi tắt thờ hoàn toàn, người chết được tắm xác bằng rượu hoặc nước thơm, được mặc những bộ đồ đẹp, khuôn mặt được trang điểm cho tươi tỉnh, được đắp chiếc áo tang có hình thánh giá, thi thể đặt trên giường. Nghi thức khâm liệm sẽ được thực hiện vào lúc 9 giờ sáng hoặc 3 giờ chiều, linh mục đến nhà làm phép xác, phép quan tài và phép khăn tang. Khi làm phép khăn tang, linh mục đọc lời cầu nguyện: “Chúa dạy chúng con phải thảo hiếu với cha mẹ và biết ơn các bậc tổ tiên khi các Ngài còn sinh tiền, cũng như khi khuất núi. Chúa cũng dạy chúng con phải tưởng nhớ và cầu nguyện cho những người đã qua đời. Giờ đây, chúng con xin Chúa đoái thương làm phép và thánh hóa những chiếc khăn tang này, mà con cháu và gia đình của linh hồn... sẽ mang trên đầu, làm dấu hiệu cho đạo hiếu thảo và lòng thương nhớ đến linh hồn...”⁵.

Nghi thức làm phép khăn tang cũng chỉ có ở Công giáo Việt Nam, thể hiện sự trân trọng ý nghĩa đạo hiếu qua bộ đồ tang của tín đồ. Nghi thức này cho thấy Giáo hội Việt Nam đã chủ động tạo ra những nghi thức riêng để dung hợp những giá trị văn hóa bản địa vào trong nghi lễ Công giáo.

Sau khi linh mục làm phép, thi thể được đặt vào trong quan tài theo hướng đầu ở phía ngoài, chân ở phía trong, theo tín đồ đặt người chết nằm như vậy để hướng mặt lên bàn thờ Thiên Chúa. Khi đặt thi thể vào, nắp quan tài được đẩy lên nhưng vẫn chừa lại khuôn mặt để người đến viếng nhìn mặt người chết lần cuối. Trước quan tài, thường để hai cây nến, một bình hoa, một đĩa trái cây và một bát nhang ở giữa. Sau lễ nhập quan, tang quyến bắt đầu mặc tang phục và mọi người đến viếng.

Đế tang là tập tục bắt buộc đối với người Việt trong đám tang. Tang phục thể hiện đạo hiếu của con cháu với người chết, hình thức cơ bản cũng giống như tang phục truyền thống của người Việt. Đối với con cái buộc phải mặc quần áo và đội tang bằng vải màn hay còn gọi là đồ sô gai, con rể cũng mặc và đội tang màn tùy theo quan niệm của từng gia đình. Cháu đích tôn, con đỡ đầu⁶, con nuôi có thể không mặc quần áo màn nhưng cũng bắt buộc phải đội tang màn. Những cháu còn lại hoặc bà con lối xóm sẽ đội tang trắng, đối với cháu có đội tang vàng. Hiện nay có một vài gia đình không còn mặc quần áo màn vì cho rằng luộm thuộm không phù hợp nữa và thay bằng bộ đồ màu

đen nhưng vẫn đội tang màn. Đa số tín đồ vẫn giữ bộ quần áo bằng vải màn vì cho rằng mặc bộ đồ tang trắng là hợp lệ nhất, con cái mặc bộ đồ đen khi nhìn vào cũng như người ngoài. Nếu mặc đồ đen đội mũ tang sẽ không ra kiểu của nhà đang có tang, có tín đồ cảm thấy không hài lòng khi thay bộ tang màn thành bộ đồ đen.

“Đám tang phải mặc quần áo màn như phong tục của người Việt Nam từ hồi nào đến giờ chứ tôi không có thay đổi sang áo đen. Ông bà xưa làm sao thì tôi làm như phong tục của ông bà xưa, còn bây giờ họ thay đổi, kêu mang như vậy thấy rườm rà, còn tôi thì không. Nếu bề trên ban cho bố tôi nằm xuống thì tôi vẫn mang quần áo màn dù nó có luộm thuộm thế nào thì đó cũng là phong tục từ xưa đến giờ chứ tôi không đổi qua áo đen. Trong kinh sách cũng có nói những bộ tang phục màu trắng này tượng trưng cho điều gì, tại sao mình không làm lại đi thay đổi.” (Nam giới, 39 tuổi).

Những bộ đồ tang không chỉ thể hiện ý nghĩa đạo hiếu trong gia đình mà còn thể hiện nhiều ý nghĩa trong cộng đồng. Một đám tang có nhiều bộ tang màn chứng tỏ đó là một gia đình có nhiều con, không chỉ con ruột mà còn có con đỡ đầu, con nuôi. Nhiều con đối với người Việt hay tín đồ là người Công giáo đều là một việc tốt, tư tưởng mong có “con đàn cháu đống” vẫn còn tồn tại trong suy nghĩ của nhiều tín đồ nhất là những người lớn tuổi. Người chết có nhiều con nuôi, con đỡ đầu cũng là một niềm vinh dự vì chứng tỏ người cha người mẹ này được cộng đồng yêu mến, coi trọng, được lựa chọn làm người đỡ đầu cho con của mình. Ngày nay, nhiều gia đình trẻ sinh ít con vì áp lực cuộc sống, ông bà cha mẹ không ép con cháu sinh nhiều con nhưng thường khuyên con cháu nếu có ít con đến lúc bệnh không có người chăm sóc, lúc chết không có người đeo tang.

Đối với tang trắng, không chỉ có hàng cháu mới đội, mà người ngoài cũng đội. Người Công giáo nếu có tình cảm tốt đẹp với gia đình người mất, nhất là gia đình hoặc người mất có ơn, giúp đỡ họ trong cuộc sống, dù không có quan hệ họ hàng, tín đồ vẫn xin đeo tang để thể hiện tình cảm yêu thương đối với gia đình và người quá cố. Vì vậy, trong đám tang, số người đeo tang nhiều không chỉ thể hiện đó là một gia đình lớn, mà còn thể hiện vị thế của những thành viên trong gia đình và người quá cố trong cộng đồng. Đặc biệt trong đám tang, có người đội khăn vàng chứng tỏ người chết sống rất thọ. Sống thọ, đông

con nhiều cháu là sự ngưỡng mộ của nhiều người đối với phúc phận của người quá cố.

Nhiều gia đình tín đồ Công giáo gốc Bắc di cư ở Lộc Hòa vẫn còn giữ tập tục nếu người qua đời vẫn còn cha mẹ sẽ vất một hoặc hai khăn tang trên quan tài, thể hiện rằng người chết vẫn phải giữ chữ hiếu, để tang cho cha mẹ dù cha mẹ vẫn còn sống. Khi đưa tang ra nghĩa trang, nhiều cha mẹ cũng không đi theo quan tài vì theo phong tục cha mẹ không có trách nhiệm phải đưa tang con cái. Người Việt không ai muốn “người đầu bạc tiễn kẻ đầu xanh”, người già chết đi là hợp với quy luật tự nhiên, nhưng người trẻ chết đi là nỗi đau, sự bất hạnh của gia đình. Việc để khăn tang trên quan tài vừa là thể hiện trách nhiệm bổn phận của người chết nhưng còn là sự nhắc nhở những người còn sống không được phép ra đi trước ông bà cha mẹ của mình. Con cháu ra đi sớm để lại ông bà cha mẹ đến tuổi xế chiều không ai chăm sóc cũng coi như đó là tội bất hiếu.

Khóc thương người chết là việc phải có trong đám tang người Việt. Đám tang không có tiếng khóc sẽ làm cho những người đến viếng cảm thấy kỳ lạ. Trước đây, trong đám tang có tập tục “khóc mướn”, tạo nên những tiếng khóc thảm thiết, khiến những người có mặt không cầm được nước mắt. Tập tục này trong cộng đồng tín đồ không còn tồn tại nhưng nhiều tín đồ ở tuổi trung niên khi thăm viếng những người quen lớn tuổi thường hay nói đùa “ông bà mất, con sẽ khóc mướn cho ông bà”. Như vậy, tiếng khóc là điều không thể thiếu trong đám tang. Trong đám tang ngày nay, nhiều người thân vẫn còn khóc lóc thảm thiết trước quan tài người chết, đặc biệt là khi được hạ huyệt. Người thân quỳ xung quanh huyệt mộ kêu khóc, than trách người quá cố bỏ lại gia đình mà ra đi, níu kéo không cho chôn lấp. Trong một đám tang, chúng tôi thấy những phụ nữ trong gia đình nhà đám gào khóc, có người khóc đến ngất xỉu (Nhật ký điền dã tháng 2/2015).

Trong niềm tin Công giáo, chết đi để lại nỗi xót thương, đau buồn cho những người còn sống nhưng đó cũng xem như là hạnh phúc của người chết vì cuộc sống ở trần gian chỉ là tạm thời, chết đi mới thực sự bước vào cuộc sống vĩnh hằng bên Đức Kitô. Có lẽ vì vậy, người còn sống không cần phải khóc lóc thảm thương. Như nhận xét của Phan Kế Bính về phong tục tang ma của Âu Châu khi đưa tang: “Ai nấy im phẳng phắc như tờ, đưa đến huyệt thì các người thân thích

đọc một bài điệu tang rồi đầu về đây,... cứ ngày lễ thì đem bó hoa đến thăm mả. Tục ấy thanh giản mà tỏ lòng hiếu kính biết là dường nào”⁷. Tác giả cũng nhận xét về việc khóc thương trong đám tang người Việt: “Con cái khóc lóc sầu thảm quá sức, kể lễ con cà con kê, kêu giời kêu đất, nhiều người hết hơi khàn tiếng mà vẫn gào. Sự thương cốt ở trong lòng, chỉ ứa hai hàng nước mắt là đủ, mà người thực tình thương có khóc được đâu, có kể được đâu, thì sự khóc cũng là sự che mắt thế gian mà thôi, lại làm cho váng tai nhức óc người ta khó chịu”⁸.

Như vậy, có thể thấy việc khóc lóc quá mức của tín đồ Công giáo người Việt hoàn toàn chịu ảnh hưởng của tâm lý bản địa. Khóc không chỉ biểu lộ tình cảm với người chết mà còn là biểu lộ với người bên ngoài là họ rất yêu quý người chết; chứng tỏ đây là một gia đình mà các thành viên sống hòa thuận yêu thương nhau; người chết lúc còn sống rất được thương mến cho nên lúc chết được nhiều người thương khóc. Việc khóc lóc quá mức này ngày càng giảm bớt, chỉ những phụ nữ tuổi trung niên có lẽ phần nào còn ảnh hưởng của truyền thống mới thể hiện khóc lóc như vậy. Giới trẻ hầu như chỉ để nước mắt rơi trong yên lặng hay khóc thành những tiếng nhỏ chứ không kể lễ gào khóc để thể hiện niềm thương xót người chết một cách quá mức.

Đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn người chết để họ được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi là niềm tin trong Công giáo, được tín đồ thực hiện rất sốt sắng. Khi đến viếng, mọi tín đồ đều đọc vài câu kinh cầu nguyện cho người chết. Sau đám tang, gia đình sẽ mời các hội đoàn trong giáo xứ cùng bà con lối xóm đến nhà đọc kinh cầu nguyện cho người chết. Nếu người chết là thành viên hoặc có đóng góp, giúp đỡ cho các hội đoàn, các thành viên trong hội đoàn sẽ tự đến nhà, hội đoàn chỉ thông báo cho gia đình biết thời gian đến để chuẩn bị, xem đó là hoạt động “tra nghĩa” cho người chết. Mỗi hội đoàn thường đọc kinh trong 3 tối liên tiếp, hết hội đoàn này đến hội đoàn khác, những buổi đọc kinh tối có khi kéo dài suốt một tháng để cầu nguyện cho người chết. Nếu không có hội đoàn, bà con hàng xóm cũng sẽ đến cùng đọc kinh với gia đình, có nhà duy trì đọc kinh mỗi tối trong suốt ba tháng mười ngày để cầu nguyện cho người thân đã qua đời. Đối với tín đồ, việc đọc kinh cầu nguyện cho người chết không chỉ thể hiện trách nhiệm của người đồng đạo và niềm tin của người tín đồ mà còn

thể hiện tình cảm thân hữu và đạo hiếu đối với người chết. Vì vậy, đây là việc tín đồ thực hiện hàng ngày trong đời sống.

Trong đám tang, ngoài những ý nghĩa tôn giáo, ý nghĩa đạo hiếu luôn được tín đồ coi trọng. Quan niệm về đạo hiếu không chỉ chỉ phối cách ứng xử giữa cá nhân mà còn là thước đo giá trị của gia đình trong cộng đồng. Vì vậy, cùng với việc để tang, khóc thương, đọc kinh cầu nguyện cho người chết tín đồ còn luôn chú ý đảm bảo sự chu tất, trọn vẹn trong việc tổ chức đám tang cho người thân quá cố. Họ sẽ cảm thấy nhẹ lòng trong bốn phận với người chết đồng thời cũng cảm thấy hãnh diện với mọi người nếu như mua được cho người thân cỗ quan tài tốt, đẹp; trong đám tang được nhiều người, nhiều hội đoàn đến viếng đọc kinh cầu nguyện; có nhiều vòng hoa viếng; mời ban kèn tây thổi nhiều bài hát để tưởng nhớ người mất; sau khi chôn cất làm được cỗ bàn thịnh soạn để mời những người đã tham gia đám tang. Tâm lý này sẽ dẫn đến tình trạng cạnh tranh giữa các gia đình với nhau trong việc làm đám tang phải lớn cho người chết. Vì vậy, linh mục trong nhiều thánh lễ vẫn thường khuyên giáo dân không nên chú trọng đến hình thức phô trương bên ngoài mà nên lo cho người chết về phần linh hồn bằng việc xin lễ đọc kinh cầu nguyện. Nếu gia đình nào cũng muốn làm đám tang lớn hơn người khác sẽ gây hậu quả không tốt về mặt xã hội cũng như trong gia đình. Về mặt xã hội sẽ gây ra những xích mích đôi khi là thù ghét nhau do sự cạnh tranh giữa các gia đình. Trong mỗi gia đình có khi dẫn đến sự cãi vã vì nếu gia đình không có điều kiện vật chất nhưng làm đám tang quá lớn, sau đó phải chia nhau trả nợ, như vậy cha mẹ chết đi cũng chẳng an lòng. Tín đồ Công giáo cũng không quá phô trương trong đám tang nhưng họ vẫn có tâm lý mong muốn tổ chức đám tang không để thua kém những gia đình khác vì đó không chỉ là cách bày tỏ tấm lòng của người còn sống với người quá cố mà còn là thể diện của gia đình trong cộng đồng làng xóm.

Trong buổi đưa tang một cụ ông 90 tuổi vào tháng 3/2015, sau khi ra về, chúng tôi đi cùng với một nhóm tín đồ, nghe họ nói chuyện về cụ. Một người nói ông cụ sống thọ nhưng sao thấy ít người đội tang, người đi đưa tang cũng ít. Người khác tỏ ra thương cảm vì đám tang không nghe thấy tiếng kèn trống, chỉ có một vòng hoa viếng của giới cao niên. Một người giải thích, do con cái nghèo quá nên không lo

đám tang được đầy đủ, gia đình cũng ít qua lại với người khác, không tham gia vào các hội đoàn nên đám tang ít người đến viếng (Nhật ký điền dã tháng 3/2015). Những lời nhận xét cho thấy có sự so sánh về quy mô lớn nhỏ của đám tang. Tín đồ nói ra những lời trên là thể hiện sự thương cảm cho người chết vì không có được đám tang trọn vẹn như những gia đình khác. Với môi trường sống mang tính cộng đồng bền chặt, vừa thể hiện sự tương trợ nhưng cũng giám sát buộc các thành viên phải thực hiện theo những định chế, quan niệm đã tồn tại trong cộng đồng. Những lời “nói ra nói vào” như trên làm cho người liên quan cảm thấy xấu hổ, xem đó như là sự chê trách của bà con lối xóm vì không lo được cho cha mẹ một đám tang chu tất. Vì vậy, trừ những gia đình thật sự khó khăn, đa số tín đồ đều cố gắng tổ chức cho người thân một đám tang đầy đủ, trọn vẹn nhất.

Đám tang còn thể hiện sự ảnh hưởng của những *niềm tin dân gian* vào trong suy nghĩ của tín đồ qua những kiêng kỵ liên quan đến người chết bao gồm: *tang phục, thương khóc, gửi bệnh, đeo tang cho cây cối con vật, không dùng đồ của người chết, niềm tin về các điềm báo....*

Tang phục tuy được chính thức hóa trong nghi thức liên quan đến tang lễ của Công giáo Việt Nam, nhưng vẫn thể hiện những niềm tin, quan niệm dân gian của người Việt qua những kiêng kỵ. Tang phục không chỉ thể hiện lễ nghĩa với người chết, mà qua đó còn thể hiện những đau buồn, mất mát của những người thân đang còn sống. Có lẽ vì vậy, việc tín đồ đeo tang có những kiêng kỵ vì sợ sẽ tạo thêm những đau buồn, mất mát khác. Một nữ tín đồ 73 tuổi, trong buổi phỏng vấn sâu kể chuyện một linh mục là cháu của bà khi cha mất đã thay áo tang hai lần. Vì bộ đồ tang may bằng vải màn cho nên mặc trong thời gian rất ngắn là các gấu quần gấu áo xoắn tít lại nhìn rất là dơ, bẩn. Linh mục này sống và làm việc chủ yếu ở nước ngoài, về Việt Nam chịu tang sẽ có rất nhiều linh mục trong và ngoài nước đến viếng, linh mục sợ quần áo tang lôi thôi sẽ xấu hổ với quan khách. Vì vậy, linh mục hỏi ý kiến của bà (bà là cô của linh mục) may lại bộ quần áo tang khác. Bà khuyên không nên may áo tang hai lần vì không ai dám làm như vậy, nhưng vị linh mục cứ kiên quyết may bộ khác, linh mục còn yêu cầu: “cô xé khăn vải cho con, đừng để khăn màn, con thấy nó bẩn quá”, bà nói: “phải để khăn màn, thay áo thì được, chứ còn cha đừng có làm ngược quá như vậy”, vị linh mục

đồng ý không thay khăn tang đội đầu. Bà nhấn mạnh rằng, bà rất sợ vì người mẹ của linh mục đang bị bệnh nhưng linh mục còn quá trẻ nên không tin việc này, chứ không có người nào dám may áo tang hai lần, vì điều đó đồng nghĩa với việc sẽ có thêm một tang khác trong gia đình. Hơn nữa, nếu con cái không đội tang màn cho cha mẹ, chỉ đội tang trắng sẽ bị mọi người chê cười cho dù người đó là linh mục. (Trích phỏng vấn tháng 8/2015).

Thực hiện việc chôn cất xong, trừ những người con buộc giữ lại khăn tang để sau 100 ngày hay mãn tang cha mẹ mới đốt tùy theo quan niệm của từng gia đình, còn lại đa số những người đeo tang đều xin bỏ tang ngay tại nghĩa trang không đem về nhà, những tang trắng sẽ được gom lại sau đó đốt đi. Đa số tín đồ cho rằng mang khăn tang về nhà cũng không để làm gì, đốt luôn trong nghĩa trang cho tiện, nhưng có lẽ còn một lý do là sợ chi phối bởi tâm lý sợ đem tang về nhà đồng nghĩa với đem xui xẻo về nhà.

“Sau khi đi chôn, đi tới đâu là rút cờ tang tới đấy, bởi vì để cờ tang lại là sẽ lôi kéo thêm một người nữa đi theo, cho nên quan tài đưa ra nhà thờ thì đi tới đâu là rút hết cờ tang tới đấy, có người đốt hết quần áo tang luôn, không có để lại, chỉ có đeo cái mica tượng trưng ở trên ngực vậy thôi chứ không đeo cái tang, để lại họ nghĩ là xui xẻo, kéo theo người nữa trong gia đình đi” (phỏng vấn nữ giới, 25 tuổi, tháng 10/2015).

Việc thương khóc người mất cũng có kiêng kị như tránh để nước mắt rơi vào người chết vì sợ người chết sẽ kéo người sống đi cùng. Đa số tín đồ không tin vào điều này nhưng giải thích rằng, khóc lóc như vậy làm người chết quyến luyến vương vấn với người sống, sẽ không thể thanh thản ra đi. Tín đồ không tin người chết làm hại người thân đang sống nhưng cũng sợ ảnh hưởng đến sức khỏe và điều tốt nhất là nên tránh dù việc đó có xảy ra hay không như câu chuyện của tín đồ:

“Trước giờ họ nói nếu để nước mắt rơi vào người chết thì con mắt mình sẽ yếu đi, hôm nọ ông bác ruột ở trên Trương Minh Giảng (Tp. HCM) chết,... khi bà vào nhìn ông thì cái anh chụp ảnh, rồi ông cha cháu (cháu của bà làm linh mục) đều bảo: “Cô đừng có nhỏ nước mắt vào cụ, mắt cô sẽ bị nhòe”, bà gạt đầu, không để nước mắt rơi vào” (phỏng vấn nữ giới, 73 tuổi, tháng 8/2015).

Gửi bệnh người chết: Không chỉ tin người chết có thể gây bệnh tật cho con người mà nhiều tín đồ còn tin vào việc người chết có khả năng mang bệnh của người còn sống đi. Nhiều tín đồ khi có bệnh, bắt kể là bệnh gì, có khi là những nốt ruồi gây mất thẩm mỹ hay những mụn cóc, bệnh đau nhức về khớp, ngay cả bệnh nan y, họ cũng đến xin với người chết mang bệnh đi cho họ. Có người đứng sát quan tài nói thầm, có người dùng tay sờ vào người chết sau đó xoa lên người với hi vọng sẽ được khỏi bệnh.

“Những người trong gia đình vừa mới qua đời thì xin gửi bệnh, tôi xin rồi nhưng không thấy khỏi hay là vì mình xin sau người khác, mình cũng có lòng tin như vậy. Thân nhân vừa qua đời mình xin luôn để người ta đưa bệnh của mình đi, thấy các ông bà truyền với nhau là có” (phỏng vấn nam giới, 65 tuổi, tháng 10/2012). Hoặc “Hồi trước, ông chú ruột chị mất, chị có ít mụn cơm, chị lấy lá trầu chị sát vô rồi chị gửi chú chị mang đi dùm, chị thấy từ từ cũng bay đi hết, chị thấy nhiều người gửi cũng hết còn bệnh tật thì chị không biết” (phỏng vấn nữ giới, 43 tuổi, tháng 1/2016).

Đeo tang cho cây cối, con vật mà người chết đã trồng hoặc chăm sóc cũng còn tồn tại trong một số gia đình. Tập tục này có lẽ bắt nguồn trong đời sống của cư dân nông nghiệp để bảo vệ cây trồng vật nuôi, không để ảnh hưởng bởi cái chết của con người. Theo tín đồ, ông bà ngày xưa thực hiện những tập tục này vì sợ cây cối hay con vật sẽ chết theo người chủ. Tín đồ giải thích, không ai tin nếu không đội tang cây cối, con vật nuôi như chó mèo sẽ chết theo chủ nhưng đội tang là để thể hiện người chết đã từng trồng cây, nuôi con vật, chủ chết đi cũng thể hiện sự thương xót. Tuy nhiên, chúng tôi thường nghe tín đồ kể chuyện về những con chó con mèo sau khi chủ chôn cất được vài ngày, cũng chết theo chủ của mình. Như vậy, vẫn có một số ảnh hưởng nhất định của niềm tin bản địa chi phối hành động của tín đồ trong ứng xử với người chết.

“Khi đám tang ở nhà ba cô, có đứa cháu gái đề ý là ông bà hay chăm sóc cái cây đó thì nó đeo tang cho cây, rồi có con chó mà ông bà hay cho ăn, tắm cho nó thì cột cho nó cái tang vào cổ. Nhiều khi mình không đề ý vấn đề đó đâu nhưng có nhiều đám là họ đeo cho từng cái cây, con vật cũng vậy phải đeo tang hết. Ông bà chăm sóc cho nó thì cũng giống như một đứa con, đứa cháu, bảo bọc thương yêu nó thì đeo cho nó cái tang” (phỏng vấn nữ giới, 51 tuổi, tháng 1/2016).

Không dùng đồ của người chết: Sau khi chôn cất người chết, ngoài những đồ dùng thiết thân nhỏ gọn đã chôn theo người chết như quần áo trang sức, những đồ dùng còn lại của họ, tín đồ đốt đi không sử dụng kể cả những đồ vật có giá trị như giường lúc đặt người chết trước khi tẩm liệm. Khi được hỏi tại sao phải chôn theo hay đốt hết những đồ của người chết, không tín đồ nào trả lời là sợ xui xẻo vì điều này trái với đức tin Công giáo, đồng nghĩa với mê tín dị đoan, tín đồ cũng không nghĩ rằng người chết sẽ gây hại cho người thân còn sống. Vì vậy, những lý do được đưa ra là vì vấn đề về vệ sinh nếu người chết có bệnh, không ai muốn dùng đồ cũ của người khác, không muốn nhìn thấy đồ của người chết vì sẽ gây nên sự đau lòng,.... Tuy nhiên, chúng tôi thường nghe tín đồ nói đùa với nhau: “sử dụng đồ của người chết coi chừng họ đòi lại”, là lời nói đùa nhưng có lẽ cũng là những suy nghĩ thật của tín đồ. Với tín đồ, dù người thân chết đi nhưng vẫn còn là thành viên của gia đình, vẫn còn mối liên hệ với trần thế, vẫn biết hết mọi việc trên trần gian này, những gì thuộc về người chết sẽ vẫn mãi là của họ, nếu không có sự đồng ý của người chết sẽ ít ai dám sử dụng những đồ dùng đó.

Một nam tín đồ cực lực phản đối những niềm tin vẫn còn được áp dụng hiện nay như việc tránh sử dụng đồ của người chết vì sợ xui xẻo, sợ người chết sẽ kéo theo người sống đi cùng cho thấy những niềm tin bản địa vẫn còn ảnh hưởng đến tín đồ Công giáo:

“Cách đây mười mấy năm, ông chú ruột của tôi chết ở ngoài Bà Rịa. Lúc liệm thì quần áo của ông đồ và bụi hết vì ngoài đó toàn đất đỏ không à. Tôi mới thay quần áo, lấy quần áo mới của tôi thay cho ông chú rồi mới liệm. Liệm xong, đưa ông chú về nhà tôi mà mấy ông bà ở đây kêu là không được, phải thay bộ quần áo ra, mua bộ quần áo khác hoặc là thay bộ quần áo của ông vô. Tôi kêu: “ông bà cứ để đấy nếu mà chết con chịu, bây giờ chú chết rồi, nằm đấy liệm trong quan tài rồi, tự nhiên khênh ra ngoài thay bộ quần áo, vô lý quá”. Tôi không cho thay “chẳng khi nào chú con hại con, ông bà có khi nào hại con không?, ông bà cứ phải tin điều đó”.... Vợ tôi cũng sợ, nói tôi phải thay quần áo cho chú nhưng tôi vẫn cứ để cho chú mang bộ quần áo của tôi, tôi vẫn còn giữ quần áo của chú đến giờ, tôi đâu có sao, đâu có vấn đề gì đâu. Cái đó thật sự tôi thấy ông bà cũng hơi mê tín dị đoan, đưa vô để áp dụng thì tôi thấy chẳng hiểu” (phỏng vấn nam giới, 39 tuổi, tháng 1/2016).

Đối với tín đồ Công giáo là nam giới, suy nghĩ và hành động có phần lý tính hơn so với nữ giới. Vì vậy, những việc làm liên quan đến niềm tin vốn tồn tại từ rất lâu trong cộng đồng nhưng vô lý thì họ ít thực hiện, nhưng đối với nữ giới thì dù có vô lý, không đáng tin họ vẫn cứ làm để tránh những điều không tốt xảy ra cho gia đình. Vì vậy, những gì liên quan đến người chết, họ thường chôn theo hoặc đốt đi để tránh những điều không tốt có thể xảy ra vì “có kiêng, có lành”.

Niềm tin về điềm báo liên quan đến người chết trong tín ngưỡng truyền thống cũng có tác động đến tín đồ. Trong những câu chuyện liên quan đến người chết, tín đồ thường hay nói đến những điềm gở hay những lời dối chết của người quá cố trước lúc qua đời. Đào Duy Anh cho rằng Khổng giáo tin vào “thiên nhân cảm ứng”, mọi việc diễn ra trong vũ trụ, trong quốc gia, gia tộc và mỗi cá nhân đều có cái lý tự nhiên của nó⁹. Toan Ánh giải thích, mọi vật trên đời thường có liên hệ không trực tiếp thì gián tiếp, cho nên việc xảy ra ở trời đất vẫn ảnh hưởng tới con người vì vậy dẫn đến việc chiêm nghiệm những hiện tượng xảy ra có thể báo trước một việc hay, dở. Tác giả cũng cho rằng thuyết “thiên nhân cảm ứng” là ảnh hưởng của Khổng giáo nhưng việc thực hành lại do các môn đồ, lưu phái của Đạo giáo¹⁰. Vì vậy, liên quan đến số mệnh con người, người Việt tin rằng khi con người sắp chết sẽ có những điềm báo của tự nhiên, những biểu hiện bất thường trong lời nói và hành động của mình. Tín đồ người Việt luôn tin số mệnh của mình là do Thiên Chúa quyết định, đã đến thời giờ Chúa gọi về thì không thể thay đổi được. Dù vậy, tín đồ cũng luôn quan tâm đến những điềm báo và cố gắng tránh những việc xui xẻo có thể xảy ra. Có những gia đình tín đồ khi nghe tiếng chim lợn, cú kêu gần nhà là vô cùng lo lắng, vội vàng ra đuổi đi vì cho đó là điềm báo sắp có người chết. Con cháu trong gia đình nói những lời xui xẻo, liên quan đến sống chết nhất là lúc gia đình có người đang bệnh, lúc sắp đi đâu xa sẽ bị người lớn gạt đi không cho nói, vì lo sợ đó là lời dối chết là điềm gở. Con người không thể biết trước được khi nào mình chết nhưng vì tin rằng có những điềm báo, nên khi người thân mất đi, tín đồ sẽ hồi tưởng lại những lời nói kì lạ, những hành động bất thường mà người thân đã nói, làm trước lúc chết. Từ đó, có lẽ muốn đúc kết cho mình những kinh nghiệm để có thể phát hiện ra những điềm gở nhằm tránh đi mặc dù vẫn tin rằng mạng sống của con người do Thiên Chúa nắm giữ, an bài, dù có biết trước những điều xấu sắp xảy ra cũng không thể tránh được.

“Con mình đi lên Sài Gòn, nhiều khi mình thấy có câu nói gở, thế là mình không cho đi nữa, mình tìm đủ mọi cách để giữ nó ở nhà. Mình nghĩ trong thâm tâm là “trời ơi không biết có phải câu nói đó là nói gở không”, mình bảo “thôi ngày mai con hãy đi, ở nhà ăn cơm nước, chờ mẹ đi chỗ này chỗ kia” để nó khỏi đi Sài Gòn. Mình đâu có biết trước điều gì xảy ra nhưng nhiều cái nó nói ra mình nghĩ “Chúa ơi, nó nói gở không?”. Chết thì có số Chúa đã định, tránh cũng không được, cứ giao hết cho Chúa thì mình thấy yên tâm hơn chứ cứ nằm nghĩ “Chúa ơi, sao lo thế không biết”, thật sự chẳng tránh được, mình chỉ cẩn thận hơn thôi” (phỏng vấn nữ giới, 51 tuổi, tháng 1/2016).

Ngoài ra, tín đồ còn có một số kiêng kỵ như mọi người Việt thường làm trong các đám tang như tránh để mèo nhảy qua xác người chết sẽ làm xác chết bật dậy. Khi đi đám tang về nhà nếu gia đình có trẻ nhỏ hoặc nhà có nuôi heo, những người lớn tuổi thường nhắc người thân phải đốt lửa lên sau đó bước qua bước lại trên đồng lửa cho những khí lạnh, xui rủi từ đám tang được bay đi rồi mới vào nhà gặp đứa trẻ hay ra chuồng heo vì sợ rằng những khí lạnh, sự xui rủi ở đám tang sẽ làm trẻ khóc, làm heo bỏ ăn.

“Khi đi đám tang, đến thấp nhang cho người ta, khi về phải hơ qua lửa mới vào chuồng heo vì sợ heo dễ bị sài lạnh, chị cũng sợ, giống như em bé mà mình đi về mình cũng phải hơ để em bé khỏi bị sài lạnh” (phỏng vấn nữ giới, 43 tuổi, tháng 1/2016).

Qua những kiêng kỵ trong đám tang cho thấy dù tin theo niềm tin Công giáo vào quyền năng tuyệt đối duy nhất của Thiên Chúa, Đấng chi phối đến vũ trụ, sinh tử của con người nhưng tín đồ vẫn còn chịu tác động của những niềm tin trong tín ngưỡng dân gian liên quan đến sự tác động của người chết đến người còn sống. Để biện minh cho tính chính đáng trong sự tồn tại của những tập tục này tín đồ dùng đạo đức truyền thống, khoa học nhằm loại bỏ đi tính vô lý, huyền hoặc để giải thích cho những tập tục trên trên. Đối với những kiêng kỵ mà tín đồ cũng xem là mê tín dị đoan nhưng họ vẫn thực hiện vì tư tưởng “có kiêng, có lành” tồn tại rất sâu đậm trong tư tưởng của đa số tín đồ.

2.2 Những nghi lễ diễn ra trong không gian nhà thờ, nghĩa trang

Kéo chuông báo tử: Khi giáo xứ có người chết, những người được phân công trực tại nhà thờ sẽ kéo chuông sầu (chuông báo tử), người

chết là nam sẽ kéo 7 tiếng, nữ sẽ kéo 9 tiếng để thông báo cho mọi người biết có người qua đời. Nghe tiếng chuông sáo, tín đồ sẽ đọc kinh cầu nguyện cho người chết. Sự khác biệt trong tiếng chuông sáo dành cho nam và nữ được một vài tín đồ lớn tuổi cho rằng liên quan đến ông bà ngày xưa cho là nam có ba hồn bảy vía, nữ có ba hồn chín vía cho nên theo tập tục cứ đánh chuông như vậy.

Theo Đào Duy Anh, hồn là cái linh, phụ vào phần khí của người, là phần khinh thanh, người ta chết thì bay lên không; còn phách hay vía là cái linh, phụ vào phần hình của người, là phần trọng trọc, khi người ta chết thì tiêu xuống đất. Đàn ông có ba hồn bảy vía, đàn bà có ba hồn chín vía. Việc phân biệt hồn phách như thế chỉ thấy ở trong sách Đạo giáo chứ dân chúng thì chỉ tin rằng thân thể người ta có linh hồn¹¹. Người Việt không phân biệt ba hồn bảy vía hay chín vía nhưng có lẽ vì được chuẩn hóa qua hệ thống niềm tin của Đạo giáo cho nên “ba hồn bảy vía, chín vía” là cách nói để diễn đạt niềm tin của người Việt về linh hồn. Người Công giáo cũng vậy, qua tiếng chuông không thể hiện họ tin con người có ba hồn bảy vía, chín vía nhưng cho thấy có sự ảnh hưởng phảng phất của tư tưởng Đạo giáo trong văn hóa truyền thống đến nghi lễ Công giáo trong quan niệm về linh hồn. Đến nay, việc kéo chuông như vậy trở thành dạng quy định bất thành văn, Giáo hội Công giáo Việt Nam không có ý kiến về việc này, giáo dân vẫn cứ thực hiện theo thói quen mà ông bà đã để lại.

Những quy định nghi lễ trong nhà thờ: Những nghi thức tang lễ diễn ra trong nhà thờ và nghĩa trang thực hiện theo quy định của nghi lễ Công giáo Rome. Tuy nhiên, có những nghi thức vẫn chứa đựng dấu ấn của văn hóa bản địa. Tại Lộc Hòa, ngoài đám tang của tu sỹ, đám tang của cha mẹ tu sỹ cũng sẽ có những thánh lễ an táng được tổ chức đặc biệt long trọng. Những cha mẹ của tu sỹ được cộng đoàn gọi là “ông bà cố”, tên gọi này thể hiện một sự kính trọng, ngưỡng mộ của cộng đoàn. Thánh lễ của những vị này được rất nhiều linh mục đồng tế, có sự tham gia của nhiều tu sỹ, của cộng đoàn giáo xứ. Trong thánh lễ, linh mục chủ tế có lời ca ngợi công lao của họ vì đã nuôi dạy giáo dục con cái tốt để phục vụ Thiên Chúa. Khi đưa tiễn những vị này ra nghĩa trang, không khí lễ tang cũng khác biệt so với đám tang khác vì đoàn người đưa tang rất dài. Khoảng cách từ nhà thờ đến nghĩa trang khoảng 2 km, nếu những người đi đầu đã đến nghĩa trang thì xe tang

vẫn đang còn ở nhà thờ. Đặc biệt là đoàn đưa tang bao gồm rất đông các linh mục, tu sỹ tạo nên sự ngưỡng mộ của cộng đồng giáo dân. Khi chôn, họ cũng được chôn nơi đặc biệt hơn so với người khác theo quy định của giáo xứ. Khi chết, được tổ chức thánh lễ long trọng trong sự kính trọng và ca ngợi của cộng đoàn là niềm mong ước của tín đồ.

Chúng tôi trao đổi với vị linh mục người Việt đang làm mục vụ tại Mỹ về thái độ của tín đồ Phương Tây đối với gia đình của các tu sỹ, linh mục cho rằng bản thân tiếng Anh không có thuật ngữ “ông bà cố”, người Phương Tây xem việc làm linh mục cũng như những nghề nghiệp khác trong xã hội và gia đình các tu sỹ cũng như mọi gia đình khác. Đối với họ, việc trở thành linh mục về mặt thần học là một ơn gọi đặc biệt của Thiên Chúa với riêng người đó. Linh mục cũng cho biết, có nhiều tu sỹ người Việt đang làm mục vụ ở Mỹ, trong khi đó những tu sỹ gốc Âu ngày càng ít đi vì nhiều lý do nhưng trong đó có lý do không có sự thúc đẩy từ phía gia đình như người Việt. Ở tín đồ người Việt luôn có sự thôi thúc của người lớn để con cháu trở thành những tu sỹ, linh mục vì không chỉ thực hiện trách nhiệm với Thiên Chúa mà còn làm rạng danh ông bà cha mẹ khi còn sống cũng như lúc qua đời. Đối với tín đồ, trở thành tu sỹ không chỉ là ơn gọi riêng của con cháu mà cũng phải nhờ phúc đức ông bà tổ tiên để lại, ông bà cha mẹ sống tốt thì con cháu mới được Thiên Chúa lựa chọn. Vì vậy, được làm cha mẹ hoặc người thân của các tu sỹ là niềm vinh dự, thể hiện vị trí nhất định của gia đình trong cộng đồng.

Quy định chôn cất ở nghĩa trang: Giáo xứ Lộc Hòa quy định cha mẹ của tu sỹ, những người có chức vụ trong Hội đồng giáo xứ, những vị ân nhân sẽ được chôn cất ở những vị trí danh dự trong nghĩa trang. Vào nghĩa trang, những ngôi mộ nằm dọc theo hai bên đường hướng đi lên bàn thờ Thiên Chúa, có những ngôi mộ lớn có mái che là những ngôi mộ của cha mẹ tu sỹ hoặc các ông chánh, phó trương của hội đồng giáo xứ. Hiện nay, giáo xứ quy định xây những ngôi mộ giống nhau nên không có những ngôi mộ xây lớn cho những vị này. Tuy nhiên, họ vẫn được chôn vị trí danh dự chứ không chôn theo hàng, theo lượt như người khác.

“Người ta bước vào nghĩa trang thấy những hàng mộ mà mà xây ở hai bên đường, hai bên lối đi thì người ta cho đó là những người đã từng sống đạo đức hay là có những đóng góp cụ thể thì theo quan

niệm chung là những người tốt, còn những người chả có đóng góp gì thì chết muốn vùi dập ở đâu vào tí cái khe hàng rào hay cái góc thì những người đó là ngay lúc sống chẳng có đóng góp gì cho xã hội, cho giáo xứ. Vì tâm lý như vậy,... cho nên những vị trí tốt thì hầu hết là do lúc còn sống họ đóng góp nhiều cho giáo xứ, họ bỏ công bỏ của hay này kia, khi họ chết rồi thì cũng dành cho họ cái chỗ tương đối danh dự một tí” (phỏng vấn nam giới, 63 tuổi, tháng 8/2015).

Trái ngược với những đám tang danh dự đã kể trên, đám tang của những tín đồ vi phạm giáo luật, pháp luật sẽ có những nghi thức tang lễ không được trang trọng. Những người đã từng phạm những tội như giết người, chích hút ma túy, những người phạm tội trong đạo như vi phạm hôn nhân một vợ một chồng khi làm lễ tại nhà thờ sẽ không được để quan tài trong nhà thờ mà phải để ở bên ngoài cửa. Khi chôn cất sẽ có những chỗ chôn riêng không chỉ để thể hiện sự trừng phạt đối với người chết mà còn mang tính răn đe đối với những người còn sống.

“Những người có vợ nhưng có vợ khác thì khi chết cũng chôn riêng để làm gương cho những người khác, khi phạm tội thì không được đưa vào nhà thờ, phải chôn những chỗ riêng như vậy để bớt cái tội lỗi đi, người ta coi đó là những răn đe” (phỏng vấn nam giới, 65 tuổi, tháng 10/2015).

Trong niềm tin của Công giáo mọi cái chết đều do quyền năng Thiên Chúa, con người chết đi là trở về với Chúa, bình đẳng trước Chúa, không phụ thuộc vào vị thế tiếng tăm khi còn sống để quyết định lúc chết được vinh quang hay tủi hổ. Trong khi đó cách quy định về nghi thức lễ tang trong nhà thờ, nơi chôn cất của giáo xứ Lộc Hòa cho thấy trong tư tưởng của tín đồ có sự phân tầng về vị thế của những người chết. Vị thế này dựa vào cách sống và vai trò của người quá cố trong cộng đồng. Tín đồ dùng những nghi thức này như một biện pháp giáo dục vì tin rằng dù sống hay chết con người đều cần thể diện, thể diện này không chỉ của riêng cá nhân mà còn liên quan đến gia đình, con cháu đang còn sống. Chúng tôi liên tưởng đến câu nói dân gian của người Việt: “trâu chết để da, người ta chết để tiếng”, vì vậy người Việt luôn cố gắng sống cho “sinh thuận, tử an”, để người chung quanh mến tiếc đánh giá tốt về mình, không mong muốn đến lúc chết đi vẫn mang tiếng xấu. Những biện pháp trên tỏ ra rất hiệu quả trong việc hạn chế tín đồ vi phạm những quy định về giáo luật và pháp luật.

Những gia đình có người chết mà quan tài phải đặt bên ngoài nhà thờ, đó là nỗi buồn, sự hổ thẹn của gia đình với cộng đồng. Khi có những ngày lễ ngoài nghĩa trang, gia đình thường quây quần quanh mộ phần của những người thân để tham dự thánh lễ, dâng lời cầu nguyện cho người quá cố. Những ngôi mộ chôn ở phía góc, hàng rào thường dành cho những người vi phạm thường tro tro một mình. Bởi vì, người thân không dám đứng ở đó, sợ người ngoài nhìn vào với cái nhìn không thiện cảm. Con cháu không chỉ nhờ phúc ông bà tổ tiên nhưng cũng đồng thời phải gánh chịu những tai tiếng mà ông bà tổ tiên gây ra khi còn sống.

Việc xây mộ theo Phan Kế Bính: “Vì tin cái lý tưởng tổ tiên với con cháu huyết mạch tương thông với nhau, hễ hài cốt tổ tiên âm cúng thì con cháu mới mát mặt, hài cốt không yên thì con cháu cũng không yên”¹². Vì vậy, việc chọn đất xây dựng mộ phần cho người mất rất quan trọng với người Việt. Nơi chôn cất sẽ ảnh hưởng đến sự thịnh suy, thành công hay thất bại, yên ấm hay bất hòa của con cái cũng như của gia tộc. Như lời nhận xét của giáo sĩ A. Rhodes: “Người dân xứ này điên rồ tin rằng của cải danh vọng, sức khỏe đều phụ thuộc vào việc chọn đất để mai. Để cho người quá cố nghỉ yên và không về quấy rối con cháu, không để mồ mả nơi bí ẩn hoặc xa đường cái quan vì lo sợ kẻ thù phạm đến mồ mả cha mẹ, cha mẹ sẽ oán phạt con cháu đã không săn sóc bảo đảm an toàn cho mình”¹³.

Tín đồ Công giáo không xem ngày giờ phương hướng để chôn cất vì trái với giáo luật, mỗi người chết đã có sẵn phần mộ được quy định theo vị trí trong nghĩa trang. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà việc chôn cất, mộ phần không quan trọng với họ. Với giáo dân Lộc Hòa, công việc quan trọng sau khi tang lễ kết thúc là gia đình họp lại để lo xây cất cho người đã khuất một ngôi mộ thật tươm tất, vì họ cho rằng người sống cũng như người chết đều cần một mái nhà để che mưa che nắng. Quan điểm của cộng tác viên dưới đây cho thấy điều này: “Thân xác đồng ý chết đi là tro bụi nhưng từ xưa đến giờ ai cũng phải có một ngôi mộ, đó là cái nhà, dù đó là “xác đất vật hèn” (phỏng vấn nam giới, 39 tuổi, tháng 1/2016).

Người Công giáo cũng như mọi người Việt khác đều mong muốn khi người thân mất đi đều được “mồ yên mả đẹp”. Vì vậy, xây một ngôi mộ tươm tất cho người thân là trách nhiệm của người còn sống,

nếu không làm được điều này thì họ sẽ thấy áy náy với người chết và hơn nữa còn bị mọi người chê cười.

“Mỗi người sống phải có một cái nhà, chết phải có một cái mộ, người sống cũng vậy mà người chết cũng vậy. Anh lập gia đình phải có cái nhà không thể ra ngoài đường ở được, người chết thì phải lập cho họ cái mộ để họ yên nghỉ,... Trong nghĩa trang người ta xây hết rồi không lẽ để mộ đất cho bố mẹ coi sao cho được, mưa gió sẽ trôi đi, đất cát sẽ bằng. Nếu mình không xây được cho bố mẹ ngôi mộ thì chính lương tâm mình cũng không chịu nổi, người ta nhìn vào người ta nói cả đàn con mà không xây được cho bố mẹ ngôi mộ. Do vậy đám xong buộc phải lo cho bố mẹ ngôi mộ không cần người khác phải nói. Mộ bên này người ta xây đẹp, bên kia người ta cũng xây đẹp, mà mình mộ đất ai mà coi. Một đứa không làm được thì 5, 7 đứa góp lại cùng làm, con không làm được thì cháu làm, có nhiều người họ phải đi mượn nợ để làm, từ từ họ trả sau” (phỏng vấn nữ giới, 51 tuổi, tháng 1/2016).

Như vậy, trong quan niệm của tín đồ, cuộc sống của con người sau cái chết cũng giống như những người còn sống, người sống quan trọng nhất là phải có mái nhà mới có cuộc sống làm ăn ổn định, người chết cũng cần mái nhà làm nơi yên nghỉ. Thậm chí người chết cũng cần có tình láng giềng để cuộc sống ở thế giới bên kia được vui vẻ. Vì vậy, sau khi hạ huyệt cho người thân, tín đồ cũng không quên cắm vài cây nhang cho những ngôi mộ chung quanh với ý hướng gây tình láng giềng giữa người quá cố với người được an táng trước¹⁴.

Đa số tín đồ Công giáo ở Lộc Hòa không tin vào thuật phong thủy trong Đạo giáo để chọn đất chôn cất cho người thân vì họ xem nghĩa trang là nơi “đất thánh” cho nên không có khái niệm tốt xấu. Tuy nhiên, vẫn có tín đồ tin vào việc “động mồ, động mả”, sẽ ảnh hưởng đến gia đình và con cái. Vì vậy, việc xây mộ theo kiểu “chôn sâu, chôn chặt” cũng đồng nghĩa với sự ổn định, nếu phải cải táng tín đồ cũng rất e ngại. Một cộng tác viên kể lại ý định của gia đình muốn cải táng người thân ở một giáo xứ khác về chôn trong nghĩa trang Lộc Hòa để tiện chăm sóc mộ phần. Tuy nhiên, gia đình vẫn chưa thống nhất vì sợ việc cải táng sẽ gây ảnh hưởng đến cuộc sống, công ăn việc làm của cả gia đình, cộng tác viên cũng nhận xét về việc cải táng:

“Cũng có nhiều người nghĩ là đựng tới mộ mà tổ tiên sẽ làm ăn không nên, là bị phạt này kia, cho nên ít khi đựng tới lắm, vẫn có người tin là cải táng không đúng lúc, không đúng ngày giờ sẽ gặp điều không tốt, cho nên ít khi cải táng, phải xin ý linh mục trước, cầu nguyện trước” (phỏng vấn nữ giới, 25 tuổi, tháng 11/2015).

Nhiều tín đồ tin rằng, người chết nếu có một nơi yên nghỉ ổn định thì con cháu sẽ có một cuộc sống yên ổn, gia đạo ấm êm, còn nếu việc chôn cất gặp vấn đề sẽ ảnh hưởng đến những người còn sống. Một nữ tín đồ, 63 tuổi, trong buổi phỏng vấn sâu vào tháng 8/2015 kể cho chúng tôi nghe câu chuyện cải táng của gia đình bà. Trong gia đình bà có nhiều người thân bỗng dưng bị những bệnh kỳ lạ, đưa đi bệnh viện nhưng không phát hiện được bệnh gì. Một ông thầy là tu sĩ Công giáo vô tình đi ngang qua nhà bà, nói rằng bà nội của bà khi được chôn đã đè lên trên ngôi mộ của một đứa trẻ cho nên đứa trẻ đó không chịu, quấy phá gia đình bà. Nếu muốn những người thân khỏe mạnh, bà phải cải táng cho đứa bé hoặc cải táng bà nội chôn ra chỗ khác. Bà đến người có thẩm quyền quyết định các vấn đề chôn cất trong nghĩa trang, kể chuyện người trong gia đình bị bệnh, khóc xin được cải táng nhưng người này nói đó là mê tín dị đoan không cho làm, tuy nhiên cũng không cấm đoán tuyệt đối. Nhiều người trong gia đình phản đối, nhưng bà vẫn thuê những người chuyên bốc mộ, lén ra nghĩa trang khai quật mộ phần của bà nội, sau khi đốt nhang khấn vái nói rõ mục đích của mình, di hài của đứa bé chỉ còn là một ít đất được đưa lên để đưa đến chỗ khác chôn cất. Bà có ý định xin đưa di hài vào nhà Hải cốt của giáo xứ để cầu nguyện nhưng vì sợ bị xem là mê tín dị đoan nên chỉ còn cách đưa vào chùa. Bà nói rằng, người thân trong gia đình hiện nay đã hết bệnh, bà cũng không cho việc làm của mình là sai. Việc cải táng trên không phải tín đồ nào cũng dám thực hiện vì sợ bị quy kết là mê tín dị đoan, thông thường tín đồ chỉ dừng lại ở việc đến linh mục xin lễ cho linh hồn mồ côi, hy vọng cầu nguyện cho những linh hồn này được yên nghỉ không quấy phá gia đình. Khi phải thực hiện việc cải táng, tín đồ đã lý giải cho hành động của mình không phải là mê tín dị đoan mà tin rằng người chết rất linh thiêng, chết đi cũng cần nơi yên nghỉ, nếu xâm phạm vào nơi chôn cất của họ thì họ sẽ gây ra những tai họa cho người sống để thể hiện sự không hài lòng.

Xin lễ nhà thờ cho linh hồn người chết: Sau đám tang, giáo dân thường xin lễ tại nhà thờ, có gia đình xin luôn một tháng thánh lễ Misa trong nhà dòng để cầu nguyện cho người quá cố. Tín đồ không chỉ xin lễ theo định kỳ mà còn xin lễ trọn đời bằng cách tham gia đóng góp, giúp đỡ cho các hội đoàn, dòng tu, nhà thờ. Tín đồ sẽ nhận được tấm bằng ân nhân ghi nhận những đóng góp của họ cho các công việc phục vụ Công giáo. Việc đóng góp này là một trong những cách để tín đồ “tích trữ những kho báu” để được vào nước trời. Tín đồ sẽ được cộng đoàn cầu nguyện qua thánh lễ ngay cả khi còn sống cũng như lúc qua đời. Các hội đoàn, dòng tu khi đọc kinh cầu nguyện luôn có lời cầu nguyện cho các vị ân nhân. Vì vậy, trong nhiều gia đình nếu người chết vẫn chưa có bằng ân nhân, họ sẽ dùng số tiền phúng điếu còn dư sau đám tang hoặc mỗi thành viên đóng góp một số tiền giúp đỡ cho Công giáo với tên người chết để luôn được cộng đoàn cầu nguyện.

3. Kết luận

Như vậy, qua những nghi thức tang lễ của người Công giáo cho thấy những nghi thức diễn ra trong không gian nhà thờ, nghĩa trang đều thực hiện theo nghi thức Công giáo Rome nhưng vẫn chứa đựng dấu ấn của văn hóa bản địa như việc *kéo chuông báo tử, quy định nghi thức tang lễ trong nhà thờ và nơi chôn cất, xin lễ cho người chết*. Những nghi thức diễn ra trong không gian gia đình đều chịu ảnh hưởng đậm nét của niềm tin dân gian, quan niệm đạo hiếu trong truyền thống lễ tang người Việt. Những niềm tin này được thể hiện qua những kiêng kỵ mà tín đồ thực hiện liên quan đến người chết để đảm bảo những người còn sống được bình yên sau cái chết của người thân, vì vậy dù có những kiêng kỵ trái với tín lý nhưng tín đồ vẫn thực hiện vì tâm lý “có kiêng có lành”. Những tư tưởng, quan niệm về đạo hiếu trong văn hóa người Việt luôn thể hiện sự chi phối đến suy nghĩ và hành vi của tín đồ khi thực hiện những nghi thức thể hiện trách nhiệm với người quá cố như việc *tổ chức tang lễ, để tang, khóc thương, xây mộ, đọc kinh cầu nguyện*.

Qua tang lễ cho thấy sự tồn tại song hành của hai hệ giá trị: văn hóa Công giáo và văn hóa truyền thống người Việt trong đời sống nghi lễ của tín đồ. Đặc điểm này thể hiện sự chủ động của Giáo hội qua việc dung hợp những nghi thức Công giáo với nghi thức bản địa, cũng như

sự tác động của văn hóa bản địa vào trong các nghi lễ Công giáo. Với vai trò chủ thể văn hóa, tín đồ Công giáo người Việt đã chủ động kết hợp nghi lễ Công giáo với nghi lễ truyền thống, tạo ra những nghi thức tang lễ theo chuẩn mực Công giáo nhưng vẫn thể hiện những tâm thức văn hóa bản địa./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Khoa Nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 41
- 2 Nguyễn Đức Lộc (2015), *Cấu hình xã hội cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ - Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 200.
- 3 Ban “giúp kẻ liệt” bao gồm những người phụ trách giúp đỡ những gia đình khi có người sắp qua đời, họ đến nhà lo những nghi thức cho người chết lúc hấp hối, tắm xác thay quần áo, tần liệm cho người chết.
- 4 Hữu Ngọc (chủ biên, 1995), *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 328
- 5 Giáo xứ Lộc Hòa (2015), *Nghi thức xử dầu bệnh nhân và nghi thức an táng*, lưu hành nội bộ.
- 6 Con đỡ đầu hay còn gọi là con tinh thần, mỗi đứa trẻ đều nhận một người cha hoặc người mẹ theo giới tính của trẻ để đỡ đầu cho trẻ khi thực hiện bí tích rửa tội sau khi sinh được khoảng 1 tháng tại nhà thờ. Cha mẹ đỡ đầu không chỉ có vai trò trong nghi lễ Công giáo mà có vai trò trách nhiệm với đứa trẻ trong suốt cuộc đời. Họ có trách nhiệm nâng đỡ đức tin, có mặt trong những ngày lễ liên quan đến sự trưởng thành của con về đức tin, giúp đỡ con trong cuộc sống, thường sẽ là người làm chứng trong hôn nhân của con. Ngược lại người con này đối xử với cha mẹ đỡ đầu cũng như cha mẹ ruột của mình, ngày lễ tết phải đến thăm hỏi, khi cha mẹ mất cũng phải để tang như con ruột.
- 7 Phan Kế Bính (2014), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 29.
- 8 Phan Kế Bính (2014), Sđd: 28.
- 9 Đào Duy Anh (2014), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 201.
- 10 Toan Ánh (1968), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam, quyển hạ*, Nxb. Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn: 163.
- 11 Đào Duy Anh (2014), Sđd: 189.
- 12 Phan Kế Bính (2014), Sđd: 31.
- 13 Alexandre de Rhodes (1994b), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh: 52.
- 14 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2003), *Kinh nghiệm hội nhập văn hóa trong nếp sống Kitô giáo tại Việt Nam*, Bản in nội bộ: 177.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2014), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Toan Ánh (1968), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam, quyển hạ*, Nxb. Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn.

3. Phan Kế Bính (2014), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
4. Giáo xứ Lộc Hòa (2015), *Nghi thức xức dầu bệnh nhân và nghi thức an táng*, lưu hành nội bộ.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2003), *Kinh nghiệm hội nhập văn hóa trong nếp sống Kitô giáo tại Việt Nam*, Bản in nội bộ.
6. Khoa Nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Đức Lộc (2015), *Cấu hình xã hội cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ - Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
8. Hữu Ngọc (chủ biên, 1995), *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Người dịch: Hồng Nhuệ, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract

MANIFESTATIONS OF LOCAL CULTURE IN THE FUNERAL RITES OF VIETNAMESE CATHOLICS EMIGRATING IN 1954 IN LOC HOA PARISH, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM

Since the Second Vatican Council, the funeral rites of the Vietnamese Catholic has traditional rites apart from Catholicism one. Catholicism rituals take place mainly in church and cemetery spaces. Rituals in Vietnamese tradition mainly take place in the family space. Funeral rites show that rituals in the church and cemetery spaces in accordance with the rules of Rome Church but still contain the imprint of the local culture of the Vietnamese's conceptions and lifestyle. The rituals that take place in the home are boldly influenced by folk beliefs as well as filial piety in the mindset and actions of believers. From there, it shows that the funeral is a place to express the images of indigenous culture in the ritual of Vietnamese Catholics.

Keywords: Local culture, funeral rites, Vietnamese, Loc Hoa parish, Dong Nai.